

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**NỘI DUNG DẠY HỌC THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
TRONG BA BỘ SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN LỚP 11****ĐỖ THỊ THU HƯƠNG* - TRẦN THỊ THUÝ LIỄU****

TÓM TẮT: Chương trình Ngữ văn 2018 cấp trung học phổ thông (THPT) đến nay đã thực hiện được đổi mới với lớp 10 và đang triển khai đổi mới với lớp 11 năm học 2023-2024. Với quan điểm dạy học tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực, nội dung dạy học tiếng Việt lớp 11 trong chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) môn Ngữ văn 2018 đã có nhiều đổi mới so với tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn 2006. Những đổi mới bao gồm: đổi mới về quan điểm dạy học tiếng Việt, đổi mới về nội dung dạy học tiếng Việt, đổi mới về phương pháp dạy học... Thêm vào đó, chủ trương một chương trình nhiều bộ sách giáo khoa cũng khiến cho nội dung dạy học tiếng Việt lớp 11 có nhiều điểm mới. Từ những lí do trên, bài viết khảo sát nội dung dạy học tiếng Việt trong SGK Ngữ văn 11 ở cả ba bộ sách “*Cánh diều*”, “*Chân trời sáng tạo*” và “*Kết nối tri thức với cuộc sống*”; từ đó, chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt về nội dung dạy học tiếng Việt trong ba bộ sách, đó là: tương đồng về quan điểm tiếp cận (bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình); tương đồng về nội dung dạy học (cách bố trí bài học theo hướng tích hợp); khác biệt về hình thức trình bày bài học; khác biệt về vị trí và cách phân bổ bài học; khác biệt về nội dung câu hỏi, bài tập... Các kết quả phân tích sẽ giúp ích cho giáo viên trong việc dạy học tiếng Việt nhằm phát triển kĩ năng đọc, viết, nói, nghe cho học sinh lớp 11.

TỪ KHOẢ: năng lực; tiếng Việt; sách giáo khoa Ngữ văn 11; bài học; câu hỏi; bài tập.

NHẬN BÀI: 27/11/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 04/02/2024

1. Mở đầu

Chương trình GDPT 2018 được xây dựng trên nền tảng lí luận và thực tiễn, cập nhật nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học và phương pháp dạy học Ngữ văn. Chương trình lấy việc rèn luyện các kĩ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình theo định hướng phát triển năng lực và bảo đảm tính chỉnh thể, sự nhất quán liên tục trong tất cả các cấp học, lớp học. Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học được hình thành qua hoạt động dạy học tiếp nhận và tạo lập văn bản, phục vụ trực tiếp cho yêu cầu rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Đối với cấp Trung học phổ thông, chương trình cung cấp một số hiểu biết nâng cao về tiếng Việt giúp học sinh hiểu, phân tích và bước đầu biết đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan, chú trọng những cách diễn đạt sáng tạo và sử dụng ngôn ngữ trong các báo cáo nghiên cứu và trong giao tiếp. Trong đó, sách Ngữ văn 11 vừa kế thừa mô hình sách Ngữ văn ở các lớp dưới vừa có những thay đổi cho phù hợp với dạy học phát triển năng lực theo yêu cầu của Chương trình Ngữ văn 2018. Về cơ bản, nội dung dạy học tiếng Việt trong SGK Ngữ văn 11 ở cả ba bộ sách “*Cánh diều*”, “*Chân trời sáng tạo*” và “*Kết nối tri thức với cuộc sống*” có nhiều điểm tương đồng nhưng vẫn có một số điểm khác biệt theo quan điểm của các nhà biên soạn. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành khảo sát nội dung dạy học tiếng Việt ở cả ba bộ sách để chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt trong việc nội dung dạy học tiếng Việt lớp 11. Các kết quả phân tích của bài viết sẽ giúp giáo viên có cái nhìn bao quát về nội dung dạy học tiếng Việt lớp 11 ở cả ba bộ sách, từ đó, giúp giáo viên tự chủ, sáng tạo trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục.

2. Nội dung**2.1. Kết quả khảo sát nội dung dạy học tiếng Việt trong SGK Ngữ văn lớp 11 (CTGDPT 2018)**

Bộ sách	Tên bài học	Nội dung bài học	Trang
Cánh diều	Biện pháp lập cấu trúc	Đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt.	24, 25

*PGS.TS; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2; Email: dothuhuong@hpu2.edu.vn

**TS; Trường Đại học Hải Phòng; Email: lieuttt@dhhp.edu.vn

Học kỳ I	Biện pháp tu từ đối	Đặc điểm, tác dụng của biện pháp đối.	52, 53
	Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (về tình huống giao tiếp, các phương tiện biểu đạt ngôn ngữ và phi ngôn ngữ); từ đó, có ý thức nói và viết phù hợp.	91, 92, 93.
	Lỗi về thành phần câu và cách sửa	Lỗi về thành phần câu và cách sửa	116, 117
Học kỳ II	Hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường	Khái niệm quy tắc ngôn ngữ và các trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.	23
	Ôn tập các biện pháp tu từ tiếng Việt	Tác dụng của một số biện pháp tu từ.	44, 45
	Cách giải thích nghĩa của từ và cách trình bày tài liệu tham khảo	Khái niệm nghĩa của từ. Những cách giải thích nghĩa của từ trong văn bản; trình bày được tài liệu tham khảo trong một báo cáo nghiên cứu.	75, 76
	Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (tiếp theo)	Đặc điểm của ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết trong các văn bản kịch, truyện và nghị luận.	110, 111
	Lỗi về thành phần câu và cách sửa (tiếp theo)	Lỗi về thành phần câu và cách sửa	136, 137
	Chuyên đề: Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại	Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại cung cấp những hiểu biết cơ bản về bản chất xã hội và văn hoá của ngôn ngữ, những yếu tố mới của tiếng Việt hiện đại và cách tiếp thu, vận dụng chúng trong giao tiếp.	34-41
Kết nối tri thức với cuộc sống	Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	Khái niệm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.	36, 37, 38
Học kỳ I	Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng	Đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.	65, 66
	Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (tiếp theo)	Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.	89, 90
	Lỗi về thành phần câu và cách sửa	Các kiểu lỗi về thành phần câu, cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân.	112, 113, 114
Học kỳ II	Biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối	Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học.	20, 21
	Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng (tiếp theo)	Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường và tác dụng.	51
	Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	Tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện phi ngôn ngữ) trong việc làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.	78, 79, 80

	Cách giải thích nghĩa của từ	Một số cách giải thích nghĩa của từ	110, 111
	Chuyên đề: Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại	Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hoá. Tác dụng của các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.	35- 57
Chân trời sáng tạo Học kỳ I	Thực hành tiếng Việt	Các cách giải thích nghĩa của từ.	20, 21
	Thực hành tiếng Việt	Cách giải thích nghĩa của từ trong từng trường hợp cụ thể.	45, 46
	Thực hành tiếng Việt	Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.	70, 71
	Thực hành tiếng Việt	Tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.	95, 96
	Thực hành tiếng Việt	Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết	127, 128
	Bảng giải thích thuật ngữ	Giải thích các thuật ngữ được dùng trong các văn bản đọc, các ngữ liệu...	143, 144
	Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	Giải thích nghĩa của các yếu tố Hán Việt được sử dụng trong các văn bản đọc, các ngữ liệu...	144, 145
Học kỳ II	Thực hành tiếng Việt	Đặc điểm, tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.	23
	Thực hành tiếng Việt	Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đối.	45
	Thực hành tiếng Việt	Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc.	65, 66, 67
	Thực hành tiếng Việt	Một số kiểu lỗi về thành phần câu	92
	Bảng giải thích thuật ngữ	Giải thích các thuật ngữ được dùng trong các văn bản đọc, các ngữ liệu...	107, 108
	Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	Giải thích nghĩa của các yếu tố Hán Việt được sử dụng trong các văn bản đọc, các ngữ liệu...	108-110
Chuyên đề học tập	Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại.	Bản chất xã hội - văn hoá của ngôn ngữ Các yếu tố mới của ngôn ngữ - những điểm tích cực và hạn chế Cách vận dụng yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.	34 - 59

2.2. Nhận xét về nội dung dạy học tiếng Việt trong ba bộ sách giáo khoa Ngữ văn 11

2.2.1. Điểm tương đồng

a) Về quan điểm tiếp cận

Chương trình Ngữ văn 2018 quan niệm dạy học tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho học sinh. Bám sát vào quan điểm này, phần Thực hành tiếng Việt của cả ba bộ sách đều được biên soạn theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất. Đó là, dạy học tiếng Việt nhằm phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe cho học sinh. Với quan điểm như vậy, phần tiếng Việt ở cả ba bộ sách đã không được bố trí thành bài học riêng mà tích hợp với phần Đọc hiểu. Đồng thời, nội dung các bài học về tiếng Việt không phải là trang bị các kiến thức lí thuyết về tiếng Việt mà chú trọng vào việc vận dụng, thực hành. Tên gọi các bài học về tiếng Việt trong cả ba bộ sách đều được gọi là Thực hành tiếng Việt.

Chương trình được xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp. Để đạt được yêu cầu đó, chương trình chỉ quy định một số kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng Việt.

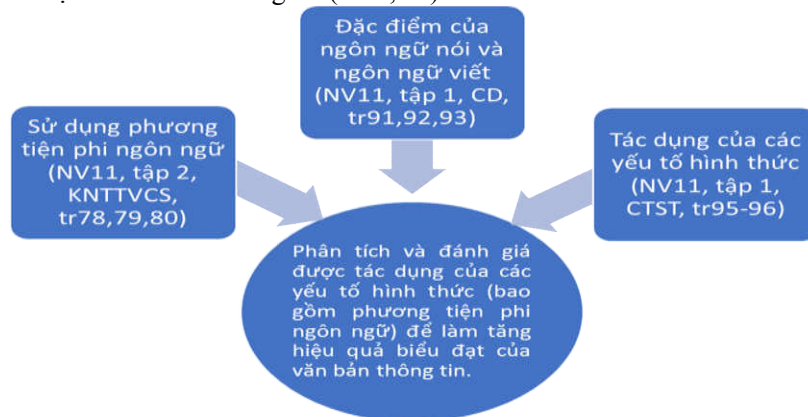
b) Tuân thủ yêu cầu cần đạt của chương trình

Cách thức bố trí các bài học tiếng Việt của ba bộ sách tuy khác nhau, song đều hướng đến yêu cầu cần đạt trong chương trình Ngữ văn lớp 11. Chẳng hạn, đối với yêu cầu cần đạt về đọc hiểu hình thức văn bản văn học, chương trình nêu rõ: “Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học”. Để đạt được yêu cầu này, cả ba bộ sách đều bố trí các nội dung dạy học như *Đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc* (Sách Ngữ văn 11, Cánh diều, tập 1, tr.24, 25); *Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc, biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học* (Sách Ngữ văn 11, Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2, tr.20, 21); *Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc* (Ngữ văn 11, Chân trời sáng tạo, tập 2, tr.65, 66, 67).

Sơ đồ dưới đây thể hiện mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt của chương trình với các bài học trong ba bộ sách:



Hoặc đối với yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản thông tin, chương trình quy định, học sinh phải “Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin”. Để đạt được yêu cầu nói trên, cả ba bộ sách đều bố trí các nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu này. Chẳng hạn, sách Ngữ văn 11 bộ Cánh diều, tập 1 có bài *Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết* (về tình huống giao tiếp, các phương tiện biểu đạt ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) (tr.91, 92, 93); Sách Ngữ văn 11 bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2 có bài *Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ* (tr.78, 79, 80); Sách Ngữ văn 11 bộ Chân trời sáng tạo, tập 1 có bài về *Tác dụng của các yếu tố hình thức* (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin (tr.95, 96).



c) Về nội dung dạy học

Kết quả khảo sát cho thấy, nội dung dạy học tiếng Việt của ba bộ sách Ngữ văn 11 có nhiều điểm tương đồng.

Trước hết, nội dung dạy học phần tiếng Việt ở cả ba bộ sách được bố trí sau bài đọc hiểu với tên gọi Thực hành tiếng Việt. Việc bố trí bài học về tiếng Việt như vậy thể hiện quan niệm của chương trình: Các kiến thức nền tảng về tiếng Việt là để “phục vụ trực tiếp cho yêu cầu rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe” [Chương trình Ngữ văn 2018, tr.4].

Nội dung kiến thức cơ bản về tiếng Việt ở cả ba bộ sách gồm những bài học sau: *Cách giải thích nghĩa của từ; Lỗi về thành phần câu và cách sửa; Biện pháp tu từ lập cấu trúc, đối* (đặc điểm và tác dụng); *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói; Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ...*

Về nội dung của mỗi bài học, qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy cả ba bộ sách đều có cách cấu trúc nội dung bài học giống nhau. Cụ thể, mỗi bài học tiếng Việt đều có hai phần: phần lí thuyết cơ bản và bài tập.

Phần kiến thức lí thuyết cơ bản của mỗi bài tiếng Việt được trình bày ngay phần đầu mỗi bài học. Với sách Ngữ văn 11 bộ Cánh diều, kiến thức lí thuyết về tiếng Việt được bố trí trong phần *Kiến thức Ngữ văn*. Với sách Ngữ văn 11 bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, kiến thức này được trình bày trong phần *Tri thức Ngữ văn*. Với sách Ngữ văn 11 bộ Chân trời sáng tạo, lí thuyết về tiếng Việt cũng được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ văn*. Kiến thức lí thuyết tiếng Việt thường nêu khái niệm và ví dụ về đơn vị hoặc hiện tượng cần quan tâm trong bài học; trường hợp cần thiết thì nêu thêm các loại đơn vị, hiện tượng và tác dụng hoặc ảnh hưởng của chúng. Đây là những kiến thức công cụ, vì thế, cả ba bộ sách trình bày những kiến thức này rất cơ bản, cô đọng, thiết thực, không đi sâu vào lí thuyết hàn lâm.

Các bài tập rèn luyện tiếng Việt được trình bày trong phần Thực hành tiếng Việt. Các bài tập vừa củng cố kiến thức lí thuyết vừa tạo điều kiện để học sinh vận dụng vào đọc hiểu văn bản, trước hết là những văn bản đọc hiểu trong mỗi bài học. Quan sát cách sắp xếp các bài tập trong ba bộ sách, chúng tôi nhận thấy, các bài tập được biên soạn theo ba yêu cầu:

- + Nhận biết các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt đã được học ở phần kiến thức lí thuyết.
- + Phân tích, lí giải đặc điểm hoặc vai trò, tác dụng của các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt đã được học.
- + Vận dụng kiến thức về các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt đã được học vào việc đọc hiểu và tạo lập văn bản, sửa một số lỗi ngữ pháp thường gặp.

Nội dung dạy học về từ, nghĩa của từ, biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp đối, ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói trong các sách hoàn toàn thống nhất với nhau theo quy định về yêu cầu cần đạt trong môn Ngữ văn lớp 11 chương trình GDPT 2018. Theo đó, các ngữ liệu dạy học các nội dung tiếng Việt trong cả ba bộ sách đều được khai thác từ các văn bản trong phần đọc hiểu. Chẳng hạn, sách Ngữ văn 11 bộ *Chân trời sáng tạo*, khi đưa ra yêu cầu học sinh giải thích nghĩa của từ, ngữ liệu được lấy từ các văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường), *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới* (Ma-la-la Diu-sa-phdai) tr.20,21, 45, 46 trong phần Đọc hiểu. Hoặc bài tập 1, 2, 3, tr.75, 76, tập 2, sách Ngữ văn 11 bộ *Cánh diều*, ngữ liệu được lấy từ bài *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) trong phần Đọc hiểu văn bản; bài tập 1, 2, 3 tr.111, tập 2 sách Ngữ văn 11 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* lấy từ hai văn bản *Bài ca ngắn ngửa* và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* trong phần văn bản đọc.

- Về các dạng bài tập: Qua khảo sát các bài tập Thực hành tiếng Việt trong ba bộ sách, chúng tôi nhận thấy, có ba dạng bài tập phổ biến. Các dạng bài tập này được sắp xếp theo các mức độ nhận thức. Dạng 1 là các bài tập nhận diện và chỉ ra tác dụng các biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối. Dạng bài tập này thường được bố trí ở ngay bài tập 1 hoặc 2 trong cả ba bộ sách. Dạng 2 là các bài tập về cách sử dụng và thực hành sử dụng (ví dụ, trong sách Ngữ văn 11 bộ *Cánh diều* là bài tập 2 tr.24, bài tập 3 tr.53, tập 1; sách Ngữ văn 11 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* là bài tập 2 tr.20, tập 1; sách Ngữ văn 11 bộ *Chân trời sáng tạo* là bài tập 3 trang 45 tập 2. Các dạng bài tập này đòi hỏi học sinh phải hiểu về đặc điểm, tác dụng của hai biện pháp tu từ lập cấu trúc và đối, từ đó mới có thể sử dụng các biện pháp tu từ đó trong thực tế và trong văn chương. Dạng 3 là bài tập vận dụng. Dạng bài tập này thường yêu cầu học

sinh viết đoạn văn khoảng 500 chữ theo các ngữ liệu đã cho (ví dụ bài tập từ đọc đến viết trang 46 tập 2 sách Ngữ văn 11 bộ *Chân trời sáng tạo*) hoặc vận dụng kiến thức lí thuyết để phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong các ngữ liệu (Ví dụ: bài tập 3, 4 tr.45 tập 2 sách Ngữ văn 11, bộ *Cánh diều*).

Với mục tiêu phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe cho học sinh, nội dung dạy học tiếng Việt trong cả ba bộ sách đều được biên soạn theo hướng thực hành, hướng học sinh vận dụng các tri thức đã học về tiếng Việt vào đọc hiểu, viết, nói và nghe. Không còn thấy “bóng dáng” những kiến thức lí thuyết tiếng Việt hàn lâm, nặng về cấu trúc trong cả ba bộ sách.

d) Tích hợp với các kĩ năng

Dạy học tích hợp là một trong những yêu cầu bắt buộc của chương trình Ngữ văn 2018. Quán triệt yêu cầu này, cả ba bộ sách đều biên soạn phần tiếng Việt theo quan điểm tích hợp. Điều này thể hiện rõ nét nhất ở việc sắp xếp bài học về tiếng Việt trong ba bộ sách. Tiếng Việt không tách thành một phần môn riêng như chương trình Ngữ văn 2006 mà được tích hợp vào phần đọc hiểu, được bố trí ngay sau các văn bản đọc hiểu, sau đó là phần viết, nói và nghe.

Sách Ngữ văn 11 bộ *Chân trời sáng tạo* được thiết kế theo chủ đề/ chủ điểm, tích hợp ngầm tính thể loại, được xây dựng để học sinh phát triển 04 kĩ năng đọc - viết - nói và nghe. Đây là cấu trúc hiện đại với lí luận và dạy học Ngữ văn hiện nay. Theo đó, phần Thực hành tiếng Việt cũng được thiết kế dưới dạng các hoạt động để học sinh thực hiện và chiếm lĩnh tri thức, qua đó hình thành kĩ năng và phát triển năng lực.

Sách Ngữ văn 11 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* có cấu trúc mở, nhiều bài học và ngữ liệu có thể được dạy học theo hướng tích hợp liên môn, chú ý đến đặc điểm nhận thức và hứng thú của học sinh được thể hiện trên các bình diện. Phần Thực hành tiếng Việt có những biện pháp tác động vào nội dung dạy học được thể hiện ở các lệnh hoạt động, các bài tập, có những biện pháp tác động vào phương pháp, hình thức dạy học, phương tiện dạy học, quan hệ tương tác giữa thầy - trò nhằm góp phần hình thành cho học sinh những năng lực chung và hình thành những phẩm chất cần thiết.

Sách Ngữ văn 11 bộ *Cánh diều* thực hiện tích hợp cao nhằm phát triển năng lực và giảm tải. Mỗi bài học gồm 10 tiết, bắt đầu bằng hoạt động đọc hiểu 2 văn bản chính, sau đó vận dụng kiến thức đã hình thành để thực hiện đọc hiểu 01 văn bản khác cùng thể loại hoặc kiểu văn bản, thực hành tiếng Việt và rèn luyện 4 kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

e) Về số lượng bài học tiếng Việt

Dựa vào kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy số lượng bài học tiếng Việt ở cả ba bộ sách không có sự chênh lệch lớn. Cụ thể sách Ngữ văn 11 bộ *Cánh diều* và *Chân trời sáng tạo* có 9 bài học về tiếng Việt, sách Ngữ văn 11 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* có 8 bài, trong đó bài 6 Thực hành tiếng Việt gồm 2 nội dung biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong một bài.

2.2.2. Điểm khác biệt

a) Hình thức trình bày

- Sách Ngữ văn 11 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*: Sau tiêu đề Thực hành tiếng Việt là tiêu đề bài học tiếng Việt. Chẳng hạn trang 36, tập 1, sau tiêu đề Thực hành tiếng Việt, là tên bài học *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết*. Mỗi bài học tiếng Việt trong bộ sách này đều được chia thành hai cột, cột bên trái là bài tập theo từng cấp độ và cột bên phải nêu yêu cầu cần đạt của mỗi bài học. Sau yêu cầu cần đạt, sách cung cấp một số kiến thức lí thuyết tiếng Việt cho từng bài học. Phần lí thuyết này được trình bày hết sức cơ bản, ngắn gọn, có các ví dụ minh họa cụ thể.

- Hình thức trình bày bài học tiếng Việt của sách Ngữ văn 11 bộ *Cánh diều* có điểm giống với sách Ngữ văn 11 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* ở chỗ: sau tiêu đề Thực hành tiếng Việt là tên bài học. Ví dụ tr.23, tập 2, tiêu đề bài học là *Hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường*. Sau tiêu đề là các bài tập thực hành tiếng Việt.

Đối với sách Ngữ văn 11 bộ *Chân trời sáng tạo*, mỗi bài học tiếng Việt đều được ghi dưới tiêu đề Thực hành tiếng Việt. Cách trình bày bài học tiếng Việt trong sách này không chia cột, cũng không đặt tiêu đề cụ thể cho mỗi bài học.

b) Về vị trí, cách sắp xếp bài học

Như trên đã nói, nội dung dạy học tiếng Việt ở cả ba bộ sách rất thống nhất, tuy nhiên cách bố trí nội dung bài học lại có sự khác biệt lớn giữa các sách. Chẳng hạn, cùng là bài về *Hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường*, sách Ngữ văn 11 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* bố trí bài học này ở bài 2, tập 1 (tr.65), và được tiếp tục dạy ở bài 7 tập 2, tr.51; sách Ngữ văn 11 bộ *Cánh diều* bố trí bài này ở bài 5 tập 2 (tr.23), khoảng tuần 16 học kì 2. Cùng nội dung này, sách Ngữ văn 11 bộ *Chân trời sáng tạo* lại sắp xếp ở bài 6, tr.23, tập 2, học kì 2.

c) *Về cấu trúc bài học*

Như trên đã trình bày, nội dung dạy học tiếng Việt trong ba bộ sách Ngữ văn 11 đều được bố trí thành các bài tập, lấy tiêu đề là *Thực hành tiếng Việt*. Trong mỗi bài Thực hành tiếng Việt, cả ba bộ sách đều xen kẽ các nội dung dạy học khác nhau. Cụ thể, sách Ngữ văn bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* tập 1 xen kẽ bài về *Đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết* là *Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường: đặc điểm và tác dụng* (tr.65). Sách Ngữ văn 11 bộ *Cánh diều* tập 1 xen kẽ giữa *Biện pháp tu từ đối* và *Lỗi về thành phần câu và cách sửa* trong bài *Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết* (tr.91). Với sách Ngữ văn 11 bộ *Chân trời sáng tạo*, xen kẽ giữa bài *Nghĩa của từ* và bài *Đặc điểm của ngôn ngữ nói* (tr.71). Riêng sách Ngữ văn 11 bộ *Cánh diều* không có Phụ lục *Bảng giải thích một số thuật ngữ* và *Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt*.

Về nội dung cụ thể của từng bài học, qua đối chiếu chúng tôi nhận thấy, ở các bộ sách có sự khác biệt khi trình bày về một số khái niệm công cụ trong phần tri thức Ngữ văn...

Ví dụ: Cùng nội dung *Hiện tượng phá vỡ quy tắc thông thường của tiếng Việt*, sách Ngữ văn 11 bộ *Cánh diều* tập 2, tr.4 tập trung vào các trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường là:

- Tách rời các tiếng trong từ; Kết hợp từ bất thường; Chuyển từ loại; Thay đổi trật tự từ trong cụm từ; Thay đổi trật tự từ trong câu; Tinh lược thành phần chính của câu; Tách một bộ phận câu thành câu; Sử dụng câu đặc biệt.

Trong khi sách Ngữ văn 11 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* lại nêu một số hiện tượng phá vỡ quy tắc thông thường trong sáng tác văn học như: Tạo ra những kết hợp từ trái logic; Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh; Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ; bổ sung chức năng mới cho dấu câu.

Sách Ngữ văn 11 bộ *Chân trời sáng tạo* (tập 2, tr.6) nêu ba trường hợp:

Hiện tượng đảo trật tự từ ngữ; hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ và hiện tượng tách biệt.

Như vậy, có sự khác biệt lớn về nội dung của từng bài học tiếng Việt trong ba bộ sách.

d) *Về hệ thống câu hỏi, bài tập* (số lượng câu hỏi bài tập ứng với mỗi nội dung, mức độ đánh giá trong các câu hỏi, bài tập)

- Số lượng bài tập của ba bộ sách cũng khác nhau. Sách *Chân trời sáng tạo* có hệ thống bài tập nhiều hơn cả với 4-6 bài tập ở mỗi bài Thực hành tiếng Việt. Sau các bài tập là phần vận dụng từ đọc đến viết. Sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* và sách *Cánh diều* số lượng bài tập ở mỗi bài ít hơn.

2.3. Những lưu ý đối với giáo viên khi dạy học phần tiếng Việt

Nếu như dạy Văn là quá trình hướng dẫn học sinh khám phá, rung động với vẻ đẹp về nội dung và hình thức của các áng thơ văn thì dạy Tiếng là quá trình hướng dẫn học sinh khám phá cấu trúc tiếng Việt và những sản phẩm của quá trình này. Dạy Văn tác động nhiều đến cảm xúc, còn dạy Tiếng lại tác động nhiều đến tư duy và trí tuệ của học sinh. Vì vậy, để dạy tốt phần tiếng Việt - Ngữ văn bậc THPT nói chung và lớp 11 nói riêng theo Chương trình GDPT 2018 mỗi giáo viên cần lưu ý:

- *Thứ nhất*, bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình Ngữ văn 11, có thể coi yêu cầu cần đạt là đích đến của mỗi bài học tiếng Việt.

- *Thứ hai*, tuân thủ quan điểm dạy học phát triển năng lực theo chương trình Ngữ văn 2018. Theo đó, dạy học tiếng Việt không nên chú trọng vào trang bị kiến thức hàn lâm, mà chú trọng vào dạy học tiếng Việt theo hướng vận dụng, thực hành, làm sao để sau khi học tiếng Việt, học sinh đọc hiểu tốt hơn, viết hiệu quả hơn, nói và nghe trôi chảy, rõ ràng hơn.

- *Thứ ba*, vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. Việc phối hợp đa dạng các phương pháp và hình thức dạy học trong toàn bộ quá trình dạy học là phương hướng quan trọng để phát huy tính tích cực và nâng cao chất lượng dạy học. Ngoài ra, giáo viên cũng cần sử dụng thêm các phương tiện dạy học

khác nhằm thu thập, xử lý, đánh giá thông tin, từ đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của học sinh. Một trong những phương tiện hữu hiệu chính là sử dụng phiếu học tập.

- *Thứ tư*, ứng dụng hiệu quả CNTT và các phương tiện dạy học hiện đại: Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học là việc sử dụng các thành tựu của khoa học, công nghệ vào giáo dục, giúp người học giữ vai trò chủ động hơn. Đặc biệt, với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, giáo viên cũng có thể vận dụng AI để biên soạn các bài tập về tiếng Việt, chẳng hạn các bài tập về viết câu, sử dụng từ ngữ, viết văn bản... nhằm làm phong phú các nội dung thực hành tiếng Việt.

Có thể nói, dạy học tiếng Việt có vai trò rất quan trọng trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông. Để người học tiếp nhận và hướng tới vận dụng trong giao tiếp hiệu quả, thành thạo là việc làm không dễ dàng. Do vậy, mỗi giáo viên cần chủ động, sáng tạo tìm ra phương pháp phù hợp với từng bài Thực hành tiếng Việt để giúp học sinh tiếp thu được nội dung kiến thức, từ đó giúp các em viết đúng chuẩn mực phong cách và đạt hiệu quả cao trong giao tiếp.

3. Kết luận

Chủ trương một chương trình nhiều bộ sách giáo khoa đang tạo ra những thay đổi tích cực trong dạy học Ngữ văn, trong đó có nội dung dạy học về tiếng Việt. Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt về nội dung dạy học tiếng Việt trong sách Ngữ văn 11 ở ba bộ sách nhằm cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về phân tiếng Việt ở ba bộ sách, từ đó, giúp giáo viên chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch bài học tiếng Việt cho từng bộ sách, đồng thời giúp giáo viên tránh được tâm lý hoang mang, lo lắng khi có nhiều bộ sách giáo khoa. Bên cạnh đó, sự khác biệt trong mỗi bộ sách thể hiện dấu ấn riêng, sự sáng tạo riêng của các tác giả biên soạn sách giáo khoa. Theo chúng tôi, đây cũng là một điểm cần khai thác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018*, (ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
2. Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11, *Chân trời sáng tạo*. Nxb Giáo dục Việt Nam, 2023.
3. Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11, *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nxb Giáo dục Việt Nam, 2023.
4. Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11, *Cánh diều* - Nxb Đại học Huế, 2023.
5. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Chương trình GDPT 2018 tổng thể.

The Vietnamese language practical component in three of the grade 11 Literature Textbooks

Abstract: The Vietnamese Literature program for high school (grade 10) was implemented in 2018 and is currently being extended to grade 11 for the academic year 2023-2024. With the perspective of teaching Vietnamese language based on competency development, the content of Vietnamese language education for grade 11 in the General Education Program of Literature in 2018 has undergone significant changes compared to the Vietnamese language curriculum of 2006. These innovations include changes in the teaching philosophy, content, and methods of teaching Vietnamese. In particular, the adoption of multiple textbook series has brought about notable changes in the content, lesson positioning, and exercise question systems in the Vietnamese language section of these textbooks. Considering these factors, this article examines the content of Vietnamese language education in the grade 11 Literature textbooks from three different series: "Cánh diều" (Kite), "Chân trời sáng tạo" (Horizon of creativity), and "Kết nối tri thức với cuộc sống" (Connecting knowledge with life). It aims to identify the similarities and differences in the content of Vietnamese language education among these three series, focusing on similarities in the approach to teaching (alignment with program requirements) and content (integrated lesson arrangement), as well as differences in lesson presentation format, lesson placement and allocation, and the nature of questions and exercises. The analysis results can be beneficial for teachers in enhancing the teaching of reading, writing, speaking, and listening skills for grade 11 students.

Key words: competency; Vietnamese language; grade 11 Literature textbooks; lessons; questions; exercises.